



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG XI/2015



HÀ NỘI, THÁNG XII/2015

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo Khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>

MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG XI/2015	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	8
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG XI/2015	13
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG XII/2015 và THÁNG I, II/2016.....	17
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	18
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	19

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG XI/2015

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng XI/2015 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ $0,5^{\circ}\text{C}$ đến $2,3^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -214mm đến 511mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -106 giờ đến 44 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -8% đến 6%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng XI/2015 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

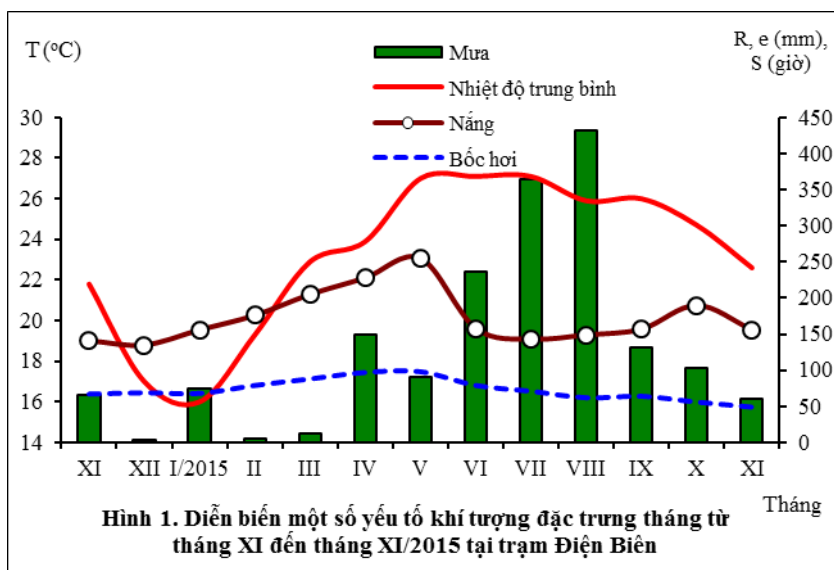
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ $0,8$ đến $2,3^{\circ}\text{C}$); với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $14,2^{\circ}\text{C}$ đến $22,3^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $11,7^{\circ}\text{C}$ đến $19,8^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $7,4^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 29/XI tại Sơn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $18,5^{\circ}\text{C}$ đến $28,2^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $34,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 12/XI tại Sông Mã. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng XI đến tháng XI/2015 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng XI/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-78mm đến -20mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 1mm đến 46mm, cao nhất là 53mm tại Chi Nê.



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 tại trạm Điện Biên

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 1mm đến 22mm, cao nhất là 35mm vào ngày 11/XI tại Chi Nê.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 đến 13 ngày, cao nhất là 15 ngày tại Mộc Châu. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng XI/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -86 giờ đến 18 giờ); giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 35 giờ đến 154 giờ, cao nhất là 159 giờ (Tam Đường) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XI/2015 dao động từ 78% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -6% đến 5%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 36% xảy ra vào các ngày 11/XI tại Yên Châu và ngày 29/XI tại Lạc Sơn.

- Tổng lượng bốc hơi tháng XI/2015 có giá trị phổ biến từ 28mm đến 89mm, cao nhất là 114mm tại Sơn La. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (27mm đến 113mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 8mm, *cao nhất là 9mm xảy ra vào ngày 4/XI tại Chi Nê, đây là giá trị lượng bốc hơi ngày cao nhất toàn quốc.*

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện duy nhất tại Mộc Châu với số ngày có mưa phùn là 4 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng XI/2015 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,8⁰C đến 2,2⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 12,2⁰C (Sa Pa) đến 22,7⁰C (Vĩnh Yên);

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 10,2⁰C (Sa Pa) đến 20,8⁰C (Vĩnh Yên), *nhiệt độ không khí thấp nhất là 4,9⁰C xảy ra vào ngày 30/XI tại Sa Pa, đây là giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất toàn quốc.*

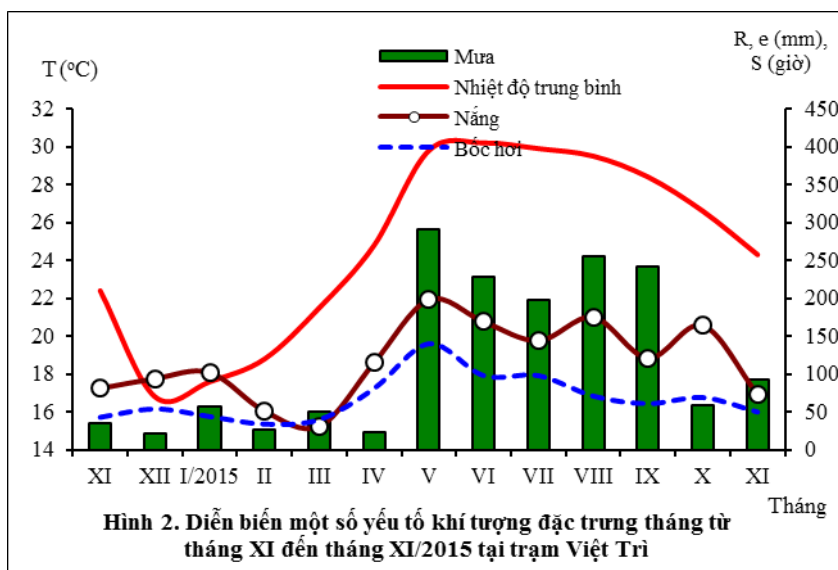
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 15,4⁰C (Sa Pa) đến 26,3⁰C (Lào

Cai), nhiệt độ không khí cao nhất là 32,4⁰C xảy ra vào ngày 11/XI tại Lào Cai.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 6mm đến 45mm, cao nhất là 87mm tại Ngân Sơn; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-182mm đến 34mm).

Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 tại trạm Việt Trì

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 3mm đến 40mm, cao nhất là 68mm xảy ra vào ngày 11/XI tại Ngân Sơn. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 4 - 11 ngày, cao nhất là 20 ngày tại Sa Pa. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 17 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XI/2015 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 56 giờ đến 174 giờ, cao nhất là 175 giờ (Hàm Yên), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-86 giờ đến 44 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XI/2015 phổ biến từ 76 đến 94%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-8% đến 6%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 35%, xảy ra vào ngày 29/XI tại Chiêm Hóa.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 17mm đến 80mm, cao nhất là 92mm tại Thái Nguyên, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (20mm đến 74mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 6mm, cao nhất là 7mm xảy ra vào ngày 27/XI tại Chiêm Hóa.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 1 đến 5 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 0,4 đến 1,5⁰C); có giá trị dao động từ 17,5⁰C (Trùng Khánh - Cao Bằng) đến 22,4⁰C (Uông Bí) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất

trung bình từ 22,2⁰C (Trùng Khánh) đến 26,6⁰C (Hữu Lũng), giá trị nhiệt độ cao nhất là 32,5⁰C xảy ra vào các ngày 02/XI tại Bảo Lạc và Phù Lễn và ngày 09/XI tại Hữu Lũng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 14,8⁰C (Trùng Khánh) đến 20,6⁰C (Tiên Yên), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 10,6⁰C xảy ra vào ngày 30/XI tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Lễn được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

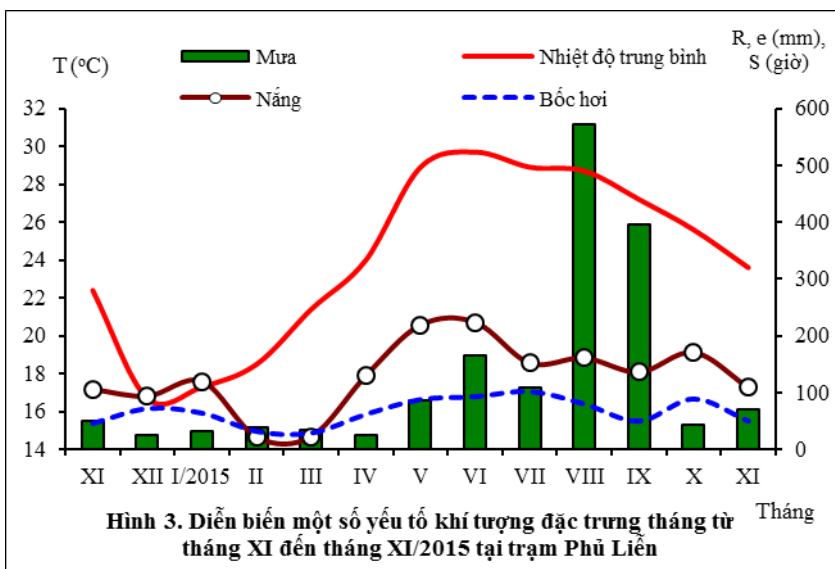
- Lượng mưa tháng XI/2015 dao động phổ biến từ 7mm đến 218mm, cao nhất là 317mm tại Sơn Động, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (38mm đến 286mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 4 đến 171mm, cao nhất là 182mm xảy ra vào ngày 11/XI tại Tiên Yên.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 - 12 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 15 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Lễn) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng XI/2015 đo được ở các nơi trong vùng ở mức thấp hơn giá trị TBNN (-71 giờ đến -15 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 80 giờ (Phù Lễn) đến 99 giờ (Hữu Lũng), cao nhất là 118 giờ tại Lạng Sơn.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XI/2015 ở các nơi dao động phổ biến



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 tại trạm Phù Lễn

từ 75 đến 85%, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 3% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 32% xảy ra vào ngày 25/XI tại Trùng Khánh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 47mm đến 97mm, cao nhất là 101mm tại Bãi Cháy. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (từ -258mm đến 60mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 6mm, cao nhất là 7mm xảy ra vào ngày 04/XI tại Uông Bí (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 1 đến 3 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

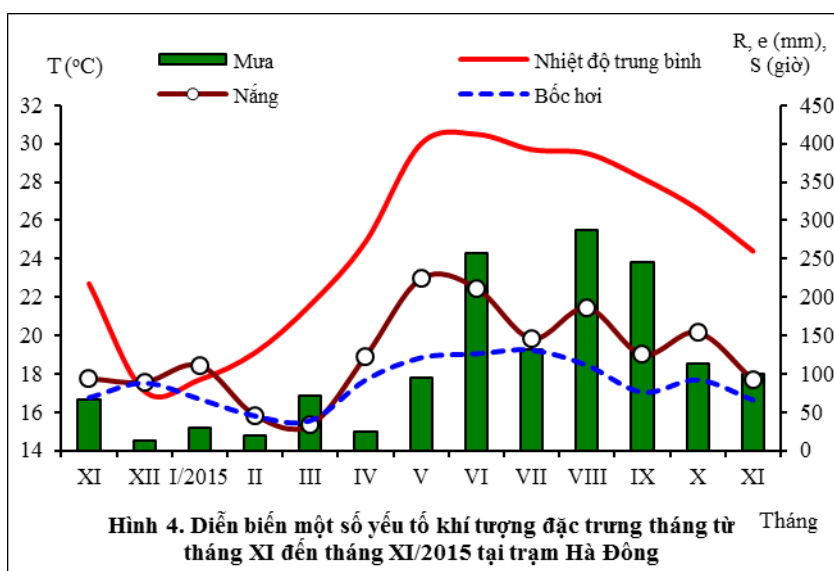
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 21,9⁰C (Thái Bình và Ninh Bình) đến 22,8⁰C (Láng), ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,4⁰C đến 1,7⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 24,8⁰C (Văn Lý) đến 25,9⁰C (Láng và Hải Dương), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 31,6⁰C xảy ra vào ngày 02/XI tại Hải Dương;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 19,7⁰C (Thái Bình) đến 20,8⁰C (Láng), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 14,5⁰C xảy ra vào ngày 28/XI tại Văn Lý và Thái Bình. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-38mm đến 27mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 tại trạm Hà Đông

22mm đến 74mm, cao nhất là 91mm tại Nam Định.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 11 đến 49mm, cao nhất là 63mm xảy ra vào ngày 11/XI tại Láng; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 06 đến 13 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 3 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 13 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XI/2015 ở các nơi trong vùng dao động từ 39 giờ (Nam Định) đến 69 giờ (Láng), cao nhất là 77 giờ tại Hải Dương; có giá trị ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -106 giờ đến -56 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 73% (Láng) đến 85% (Ninh Bình), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -8% đến -3%, hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 36% xảy ra vào ngày 29/XI tại Láng, Hà Đông và Hưng Yên.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 55mm (Sơn Tây) đến 94mm (Hải Dương), cao nhất là 97mm tại Văn Lý; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 6mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng từ 24mm đến 46mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

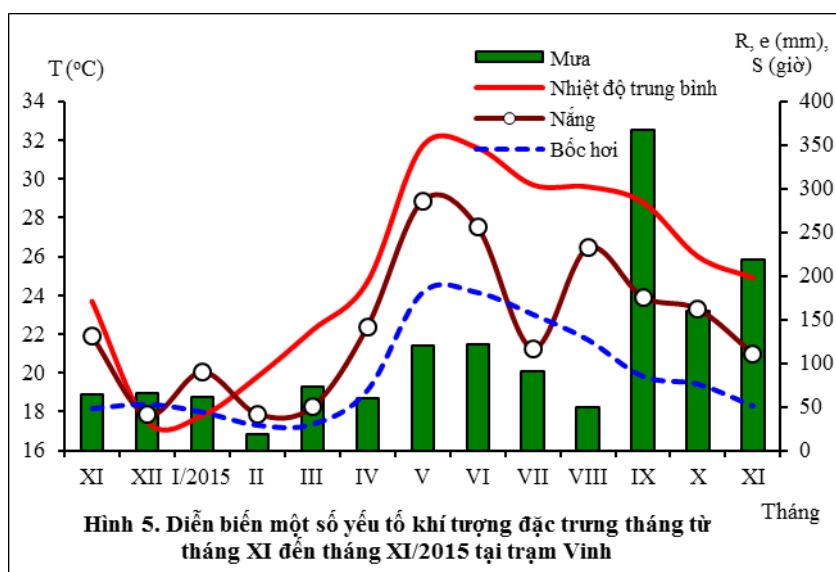
- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 1 đến 6 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,4⁰C đến 1,2⁰C) (hình 10) và có giá trị từ 21,3⁰C (Hương Sơn) đến 22,3⁰C (Quỳnh Lưu).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 23,4⁰C (Hương Sơn) đến 26,1⁰C



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 tại trạm Vinh

(Tương Dương), giá trị nhiệt độ cao nhất là $35,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 11/XI tại Tương Dương, đây là giá trị nhiệt độ không khí cao nhất toàn quốc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $19,5^{\circ}\text{C}$ (Hồi Xuân và Quỳnh Châu) đến $20,8^{\circ}\text{C}$ (Quỳnh Lưu), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $12,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 30/XI tại Quỳnh Châu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng XI/2015, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 9mm đến 318mm, cao nhất là 346mm tại Hà Tĩnh. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-187mm đến 107mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 2 đến 96mm, cao nhất là 99mm, xảy ra vào ngày 07/XI tại Hương Khê.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 - 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 22 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 36 (Hương Khê) đến 55 giờ (Quỳnh Châu), cao nhất là 67 giờ (Tương Dương); tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -86 giờ đến -30 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 82% (Thanh Hóa) đến 92% (Hương Khê), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (3% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 27% xảy ra vào ngày 29/XI tại Như Xuân, đây là giá trị độ ẩm không khí thấp nhất toàn quốc.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 24mm đến 72mm, cao nhất là 97mm tại Thanh Hóa; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 5mm, cao nhất là 6mm xảy ra vào ngày 05/XI tại Thanh Hóa. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-308mm đến 64mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

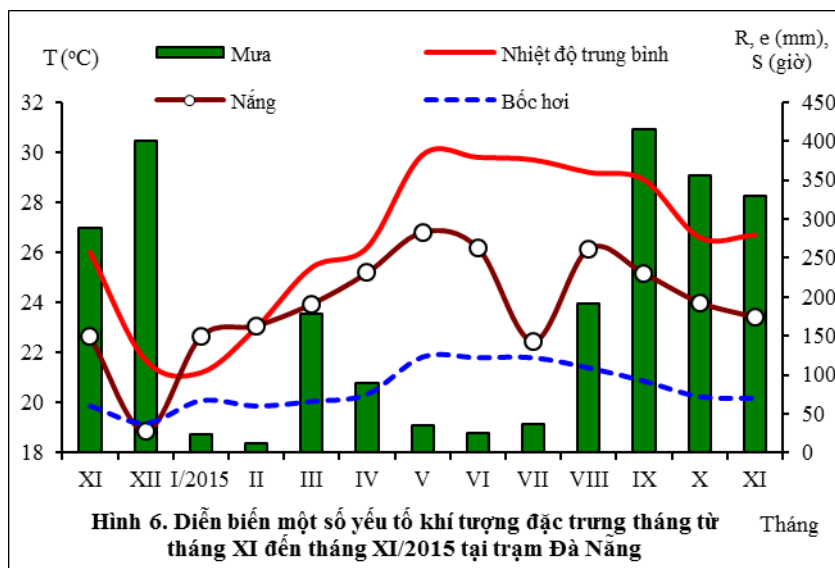
- Gió tây khô nóng xuất hiện 1 ngày duy nhất tại Tương Dương với cường độ nhẹ;

- Mưa phùn xuất hiện duy nhất tại Thanh Hóa với số ngày có mưa phùn là 6 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng XI/2015 từ $21,5^{\circ}\text{C}$ (Khe Sanh) đến $25,3^{\circ}\text{C}$ (Quảng Ngãi), phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN ($0,5^{\circ}\text{C}$ đến $1,3^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 tại trạm Đà Nẵng

trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $24,2^{\circ}\text{C}$ (Khe Sanh) đến $28,6^{\circ}\text{C}$ (Quảng Ngãi), giá trị nhiệt độ cao nhất là $33,4^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 11/XI tại Nam Đông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $19,9^{\circ}\text{C}$ (Khe Sanh) đến $23,3^{\circ}\text{C}$ (Đà Nẵng), giá trị nhiệt độ thấp nhất là $15,4^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 29/XI tại Đồng Hới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng XI/2015 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 99mm đến 1190mm, cao nhất là 1243mm tại Trà My, đây là giá trị tổng lượng mưa tháng cao nhất toàn quốc. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -214mm đến 511mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 18 đến 351mm, cao nhất là 397mm xảy ra vào ngày 15/XI tại Trà My, đây là giá trị lượng mưa ngày lớn nhất toàn quốc.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 21 đến 25 ngày, cao nhất là 27 ngày tại Đông Hà; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 17 ngày, cao nhất là 19 ngày tại Đồng Hới; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 4 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng XI đến tháng XI/2015 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 58 giờ đến 110 giờ, cao nhất là 127

giờ tại Quảng Ngãi. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-46 giờ đến 17 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 86% đến 93%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 6%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 50% xảy ra vào ngày 02/XI tại Quảng Ngãi.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 21mm đến 57mm, cao nhất là 58mm tại Đà Nẵng. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 4mm. Tổng lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-1217mm đến -45mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 4 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng XI/2015 từ 25,3⁰C (Hoài Nhơn) đến 27,1⁰C (Phan Thiết), ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,8⁰C đến 1,5⁰C (hình 10).

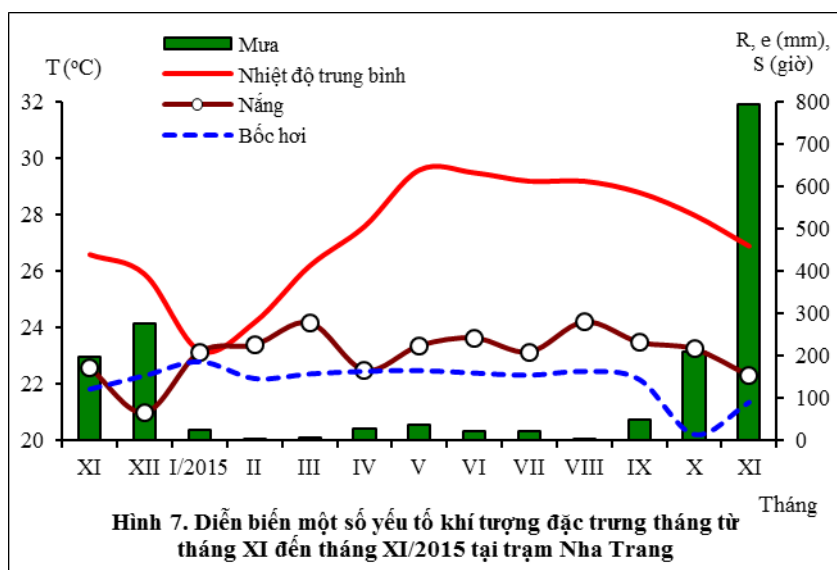
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ

28,3⁰C (Hoài Nhơn) đến 31,1⁰C (Phan Thiết), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 33,1⁰C xảy ra vào ngày 19/XI tại Phan Thiết.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,3⁰C (Hoài Nhơn) đến 25,0⁰C (Phú Quý), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,3⁰C, xảy ra vào ngày 03/XI tại Phan Rang. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng XI đến tháng XI/2015 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng XI/2015, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 tại trạm Nha Trang

phổ biến từ 59mm đến 549mm, cao nhất là 572mm tại Hoài Nhơn. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 92mm đến 177mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng I đến tháng XI/2015 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 15mm đến 190mm, cao nhất là 238mm, xảy ra vào ngày 15/XI tại Hoài Nhơn.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 10 đến 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 17 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 3 đến 6 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XI/2015 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 130 giờ (Hoài Nhơn) đến 185 giờ (Phú Quý), cao nhất là 209 giờ tại Phan Thiết; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (13 giờ đến 33 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 79% (Phan Thiết) đến 87% (Tuy Hòa), phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 46% xảy ra vào ngày 19/XI tại Phan Thiết.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 56mm đến 125mm, cao nhất là 128mm tại Phan Rang, đây là giá trị tổng lượng bốc hơi tháng cao nhất toàn quốc. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (từ -476mm đến -212mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 4 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng XI/2015 từ 18,2⁰C (Đà Lạt) đến 25,2⁰C (Ayunpa - Gia Lai); phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 0,6⁰C đến 1,6⁰C, hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,7⁰C (Đà Lạt) đến 30,0⁰C (Ayunpa); giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 33,3⁰C xảy ra vào ngày 18/XI tại Ayunpa.

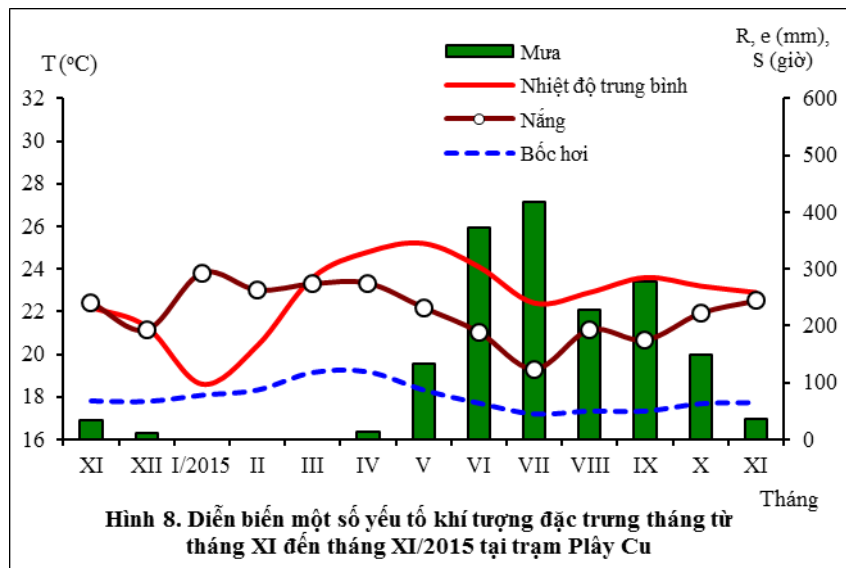
- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 15,6⁰C (Đà Lạt) đến 22,1⁰C (Ayunpa), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 12,4⁰C xảy ra vào ngày 13/XI tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng XI/2015 dao động từ 34mm đến 106mm, cao nhất là 169mm tại Bảo Lộc. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -35mm đến 29mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 17mm

đến 36mm, cao nhất là 74mm vào ngày 07/XI tại Buôn Ma Thuột. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 5 đến 18 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày, cao nhất là 11 ngày tại Đà Lạt, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 17 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 tại trạm Plây Cu

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XI/2015 phổ biến từ 153 giờ (Ayunpa) đến 219 giờ (Plây Cu), cao nhất là 223 giờ tại Kon Tum. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (12 giờ đến 21 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -4% đến -3%), có giá trị phổ biến từ 73% (Kon Tum) đến 84% (Buôn Ma Thuột); độ ẩm không khí thấp nhất là 34% xảy ra vào ngày 19/XI tại Kon Tum.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 52mm (Bảo Lộc) đến 86mm (Ayunpa), cao nhất là 126mm tại Kon Tum. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-117mm đến 92mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 3 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng XI/2015 từ 25,8⁰C (Phước Long) đến 28,1⁰C (Tân Sơn Nhất và Mộc Hóa), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,3⁰C đến 1,7⁰C) (hình 10).

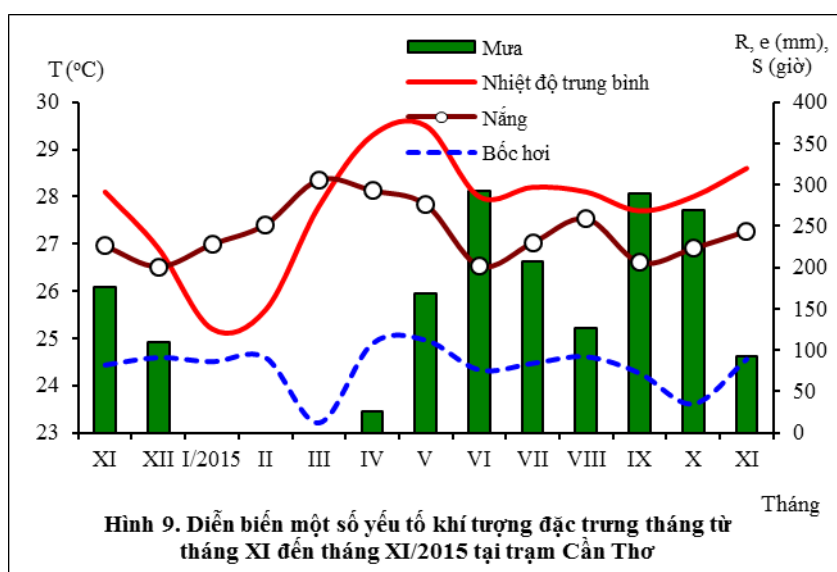
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,7⁰C (Bạc Liêu) đến 33,4⁰C (Tân Sơn Nhất), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,0⁰C xảy ra vào ngày 12/XI tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,5⁰C (Phước Long) đến 25,6⁰C (Rạch Giá), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,0⁰C xảy ra vào ngày 03/XI tại Đồng Phú. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng XI/2015 dao động phổ biến từ 59mm đến 257mm, cao nhất là 630mm tại Tây Ninh. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-142mm đến 506mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 11mm đến 87mm, cao nhất là 104mm xảy ra vào ngày 07/XI tại Mỹ Tho.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2015 tại trạm Cần Thơ

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 7 đến 16 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XI/2015 phổ biến từ 102 giờ (Cà Mau) đến 221 giờ (Đồng Phú và Cao Lãnh), cao nhất là 225 giờ tại Mộc Hóa, đây là giá trị tổng số giờ nắng tháng cao nhất toàn quốc; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-84 giờ đến -15 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 76% (Tân Sơn Nhất) đến 86% (Bạc Liêu), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -5% đến 4%, hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 32%

xảy ra vào ngày 03/XI tại Tây Ninh.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 55mm đến 91mm, cao nhất là 97mm tại Vũng Tàu (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-546mm đến -25mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất tại Tân Sơn Nhất với số ngày là 2 ngày, có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 2 đến 13 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG XI/2015

Điều kiện khí tượng nông nghiệp tháng XI/2015 ở hầu hết các vùng trong cả nước không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp tuy nền nhiệt ở các vùng đều cao hơn TBNN nhưng lượng mưa, số giờ nắng và độ ẩm không khí ở nhiều nơi thấp hơn TBNN, lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất nông nghiệp. Trên Miền Bắc đã xuất hiện hạn cục bộ ở nhiều địa phương.

Tính đến cuối tháng các tỉnh miền Bắc cơ bản đã thu hoạch xong lúa mùa với diện tích thu hoạch đạt 1.144 ngàn ha, bằng 98,3% diện tích gieo cấy, chỉ còn một phần diện tích thu hoạch muộn ở các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc. Theo đánh giá bước đầu của các địa phương năng suất bình quân toàn miền có thể đạt khoảng 50,1 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 5,83 triệu tấn, giảm 62 nghìn tấn (-1,1%) so vụ mùa 2014, do giảm diện tích gieo cấy (-1,3%). Các tỉnh miền Nam đã thu hoạch đạt 291,1 ngàn ha lúa mùa, chiếm khoảng 39,4% diện tích xuống giống; trong đó các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) mới thu hoạch hơn 99,8 ngàn ha, chiếm khoảng 27,6% diện tích xuống giống. Nhìn chung tốc độ thu hoạch của các địa phương đều nhanh hơn khá nhiều so với cùng kỳ năm trước. Các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL, đã thu hoạch hơn 67% diện tích lúa thu đông với năng suất bình quân trên diện tích thu hoạch là 54,7 tăng khoảng 2 tạ/ha so với vụ trước. Hiện nay các tỉnh phía Nam xuống giống lúa đông xuân sớm, đồng thời tập trung không chế sâu bệnh nhằm tránh lây lan từ lúa hè thu /mùa sang vụ đông xuân.

2.1. Tình hình trồng trọt

a. Cây lúa:

Các tỉnh miền Bắc: Tính đến cuối tháng, các tỉnh miền Bắc cơ bản đã thu hoạch xong lúa mùa với diện tích thu hoạch đạt 1.144 ngàn ha, bằng 98,3% diện tích gieo cấy, chỉ còn một phần nhỏ diện tích gieo cấy muộn ở vùng Trung du miền núi phía Bắc chưa thu hoạch. Theo đánh giá của các địa phương, lúa mùa năm nay sinh trưởng và phát triển tốt nhờ thời tiết và điều kiện canh tác khá thuận lợi. Vì vậy năng suất lúa đều tăng ở hầu hết các địa phương. Đánh giá bước đầu của các địa phương năng suất bình quân toàn miền có thể đạt khoảng 50,1 tạ/ha (tăng 0,5%), tuy nhiên do diện tích gieo cấy đạt 1167 ngàn ha, giảm (-1,3%) nên sản lượng đạt khoảng 5,83 triệu tấn, giảm 62 nghìn tấn (-1,1%) so vụ mùa.

Trong tháng XI, hầu hết các tỉnh phía Bắc có nền nhiệt cao, số giờ nắng tuy thấp hơn TBNN nhưng vẫn thuận lợi cho việc thu hoạch lúa mùa. Tuy nhiên do lượng mưa giảm, lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa làm nhiều khu vực bị hạn gây ảnh hưởng đến công tác đồng ruộng chuẩn bị cho sản xuất các cây vụ đông ở Miền Bắc. Đặc biệt là các tỉnh miền núi Tây Bắc (Sông Mã, Cò Nồi Yên Châu), nhiều khu vực cả tháng lượng mưa dưới 20mm trong khi đó lượng bốc hơi từ 70 – 80mm.

Vụ mùa năm nay, trong giai đoạn lúa trổ bông bị ảnh hưởng của đợt nắng nóng cuối tháng 8 làm giảm khả năng thụ phấn, tỷ lệ hạt lép cao ở một số địa phương: Ninh Bình, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Hòa Bình, Thanh Hóa; tiếp đến cuối tháng 9 mưa lớn gây ngập úng cũng góp phần ảnh hưởng đến năng suất lúa

b. Các tỉnh miền Nam:

Vụ mùa: Tính đến cuối tháng 11, các tỉnh miền Nam đã thu hoạch 291,1 ngàn ha lúa mùa, chiếm khoảng 39,4% diện tích xuống giống; trong đó các tỉnh vùng ĐBSCL thu hoạch hơn 99,8 ngàn ha, chiếm khoảng 27,6% diện tích xuống giống. Nhìn chung tốc độ thu hoạch của các địa phương đều nhanh hơn khá nhiều so với cùng kỳ năm trước

Nhìn chung vụ mùa năm nay ở các tỉnh phía Nam vào đầu vụ thời tiết không thuận lợi, nắng nóng kéo dài tại các tỉnh Duyên hải Miền Trung, mưa ngập úng tại một số tỉnh Đông Nam Bộ, chuyển đổi mùa vụ và mục đích sử dụng đất tại các tỉnh ĐBSCL nên tính đến trung tuần tháng 11 diện tích gieo cấy lúa mùa các tỉnh phía Nam chỉ đạt 716,7 nghìn ha, bằng 91,5% so với cùng kỳ. Hiện nay cây lúa đang đẻ nhánh, làm đòng. Thời tiết cơ bản thuận lợi nên dự ước năng suất lúa mùa các địa phương tăng nhẹ so cùng kỳ năm trước.

Lúa thu đông: Tính đến cuối tháng các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL đã thu hoạch được 457,4 ngàn ha lúa thu đông, chiếm 67% diện tích gieo cấy. Theo báo cáo của các địa phương năng suất bình quân trên diện tích thu hoạch là 54,7 tấn khoảng 2 tạ/ha so với vụ trước. Cùng với thu hoạch lúa vụ thu đông, mùa, các tỉnh miền Nam đang triển khai xuống giống vụ lúa đông xuân 2015/2016. Tính đến ngày 15/11, diện tích xuống giống lúa đông xuân sớm toàn miền đạt hơn 354,8 ngàn ha, bằng 99,4% so với cùng kỳ năm trước, tập trung ở ĐBSL như Long An 42 ngàn ha, Đồng Tháp 84,8 ngàn ha, Kiên Giang 87,4 ngàn ha, Sóc Trăng 87,6 ngàn ha.

Vụ đông xuân sớm: do lũ năm 2015 thấp hơn so cùng kỳ, tình hình khó tượng thủy vẫn năm nay khung phức tạp như các năm trước nên nung dãn ĐBSCL tập trung xuống giống sớm vụ đông xuân 2016, đạt 351 nghìn ha, tăng 78% so cùng kỳ. Lũ hiện phớt triển tốt.

b. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Mưa lớn cuối tháng 9 và đầu tháng 10 gây khó khăn cho công tác làm đất nên tiến độ gieo trồng cây rau màu vụ đông năm 2016 chậm hơn so với cùng kỳ năm trước. Theo báo cáo của các địa phương, tính đến cuối tháng, diện tích ngô đạt 127,7 nghìn ha (bằng 95,9% so cùng kỳ); diện tích khoai lang đạt 31,7 nghìn ha (bằng 92,8% so cùng kỳ); diện tích đậu tương đạt 28 nghìn ha (bằng 78,9% so cùng kỳ); diện tích lạc đạt 5,8 nghìn ha (bằng 91,9% so cùng kỳ); diện tích rau các loại đạt 153,1 nghìn ha (bằng 100,1% so cùng kỳ). Hiện nay, thời tiết tương đối thuận lợi, đất ẩm phù hợp cho cây vụ đông gieo trồng và phát triển tốt; các địa phương đang đẩy nhanh tiến độ gieo trồng các cây vụ đông đảm bảo kế hoạch đã đề ra; chăm sóc, theo dõi diễn biến sâu bệnh trên cây vụ đông.

Ở Mộc Châu, Phú Hộ chè đang trong giai đoạn lá thật thứ nhất đến búp hái, trạng thái sinh trưởng từ kém đến trung bình. Ở Ba Vì chè ngừng sinh trưởng.

Ở Đồng bằng Bắc Bộ khoai lang đẻ nhánh, trạng thái sinh trưởng trung bình. Ngô đang trong giai đoạn chín sấp, trạng thái phát triển khá.

Ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ cà phê đang trong giai đoạn ra nụ và quả chín, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt (bảng 1).

2.2. Bảo vệ thực vật

Trên địa bàn miền Bắc do hầu hết diện tích lúa mùa đã thu hoạch nên sâu bệnh chỉ xuất hiện trên các trà lúa mùa muộn. Trên địa bàn miền Nam các đối tượng sinh vật hại phát sinh gây hại chủ yếu trên lúa thu đông, mùa, còn trên lúa đông xuân sớm sâu bệnh phát sinh gây hại không đáng kể.

Theo báo cáo của Cục Bảo vệ thực vật, trong tháng 11 hầu hết các loại dịch gây hại chính trên cây lúa đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tại các vùng ĐBSCL, một số loại dịch có diện tích nhiễm bệnh tăng so với cùng kỳ, mức tăng không đáng kể và đều ở mức dưới 1000 ha, cụ thể như bọ xít dài hại lúa, chuột hại lúa, ốc bươu vàng hại lúa...

- Sâu cuốn lá nhỏ: Gây hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 7.572 ha, giảm 1.154 ha so với cùng kỳ năm trước.

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 10.296 ha, diện tích nhiễm nặng 882 ha, tập trung chủ yếu tại Bắc Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

- Bệnh đạo cỏ bông: Tổng diện tích nhiễm 3.466 ha. Bệnh hại chủ yếu tại Đồng bằng sông Cửu Long.

- Bệnh đạo ôn lá: Gây hại ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 23.256 ha, diện tích nhiễm nặng 253 ha.

- Chuột: Tổng diện tích hại 5.414 ha, nặng 42 ha. Chuột hại tại tập trung các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm sâu non 3.382 ha, diện tích nhiễm nặng 15 ha. Sâu non gây hại chủ yếu tại Đồng bằng sông Cửu Long.

- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 7.776 ha, nặng 22 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 7.557 ha, nặng 21 ha tập trung tại Đồng bằng sông Cửu Long.

- Khô vằn hại lúa: Bệnh xuất hiện ở tất cả các tỉnh Bắc Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích 7.900 ha, nặng 331 ha.

- Nhện gié hại lúa chủ yếu hại trung bình – nhẹ với tổng diện tích 375 ha. Hại rải rác tại các tỉnh Bạc Liêu, Đồng Nai, Đồng Tháp.

Các đối tượng dịch hại khác như: bọ trĩ, bọ xít dài, bọ xít đen...gây hại nhẹ trên phạm

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng XI/2015

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn búp hái	Kém	Rất khô	
2		Điện Biên	Chuyên vụ			

3		Văn Chấn	Chuyển vụ			
4		Tuyên Quang	Chuyển vụ			
5	Đông Bắc	Uông Bí	Chuyển vụ			
6		Lạng Sơn	Chuyển vụ			
7		Bắc Giang	Chuyển vụ			
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	TB	
9		Ba Vì	Chè ngừng sinh trưởng			
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Chuyển vụ			
11		Hoài Đức	Ngô chín sáp	Khá	ảm	
12		Hải Dương	Khoai lang để nhánh			
13		Hưng Yên	Chuyển vụ			
14		Nam Định	Chuyển vụ			
15		Ninh Bình	Chuyển vụ			
16		Thái Bình	Chuyển vụ			
17	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Chuyển vụ			
19		Thanh Hoá	Chuyển vụ			
20		Quỳnh Lưu	Chuyển vụ			
21		Đô Lương	Chuyển vụ			
22	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Chuyển vụ			
23		An Nhơn	Chuyển vụ			
24	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê ra nụ	Tốt	TB	
25	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê quả chín	TB	TB	
26		Trà Nóc	Lúa xuân			
27		Mỹ Tho	Lúa mùa ngậm sữa	TB	3 cm	
28		Bạc Liêu	Lúa mùa trổ bông	TB	3cm	Chuột hại nhẹ

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG XII/2015 và THÁNG I, II/2016

3.1. Nhiệt độ

Trong 3 tháng tới, nhiệt độ có khả năng hụt chuẩn ở một phần diện tích thuộc Yên Bái, Cao Bằng và khu vực Trung Trung Bộ với xác suất từ 66 đến 77%. Khả năng cận đến vượt chuẩn của nhiệt độ có thể xảy ra trên đa phần diện tích cả nước với xác suất từ 66 đến 77%, đáng chú ý nhất là khu vực Nghệ An và Bình Định có xác suất vượt chuẩn trên 77%. Chuẩn sai của nhiệt độ chủ yếu dao động từ -0,5 đến 1°C trên hầu hết diện tích cả nước.

3.2. Lượng mưa

Trong 3 tháng tới, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn trên đa phần diện tích phía Bắc (từ Hà Tĩnh trở ra) với xác suất từ 66% đến trên 77%. Khả năng cận đến vượt chuẩn của lượng mưa có khả năng xảy ra trên đa phần diện tích phía Nam (từ Quảng Trị trở vào) với xác suất từ 55% tới trên 77%. Chuẩn sai của lượng mưa dao động từ -200 đến 0mm trên hầu hết diện tích phía Bắc (từ Quảng Bình trở ra) và từ 0 đến 600mm trên đa phần diện tích phía Nam (từ Quảng Trị trở vào). Riêng khu vực từ Quảng Bình đến Bình Định, lượng mưa có khả năng vượt chuẩn trên 400mm.

3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Theo kết quả thống kê trung bình mùa 3 tháng XII, I, II thời kỳ 1971 – 2000, có khoảng từ 1 đến 2 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và cứ khoảng 10 năm thì có khoảng từ 3 đến 4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

Theo trung bình của thời kỳ 1971 – 2000 thì trong 3 tháng XII, I, II số đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam là khoảng 11 đến 12 đợt.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng XI, trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng XII/2015 và dự báo khí hậu 3 tháng XII/2015, I, II/2016 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tập trung thu hoạch lúa mùa sớm và trung vụ;
- Tập trung làm đất gieo trồng rau màu và các cây vụ đông: ngô, đậu tương, khoai tây, khoai lang;
- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt đối với bệnh lùn sọc đen và sâu cuốn lá nhỏ;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

2. Miền Trung

- Tập trung thu hoạch lúa mùa và làm đất gieo trồng các cây vụ đông;
- Tập trung khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét, sạt lở đất ở những khu vực miền núi và những nơi có địa hình dốc cao.

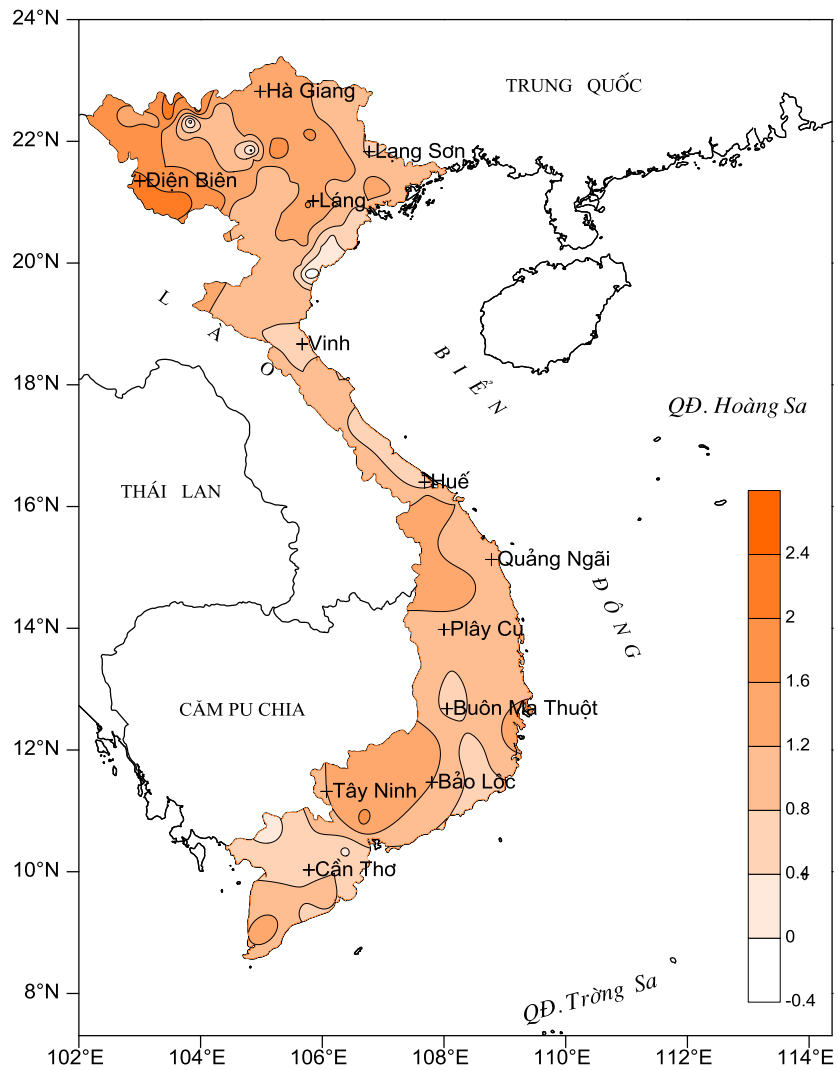
3. Miền Nam

- Tập trung chăm sóc lúa mùa;
- Tăng cường các biện pháp chống úng do mưa bão và triều cường;

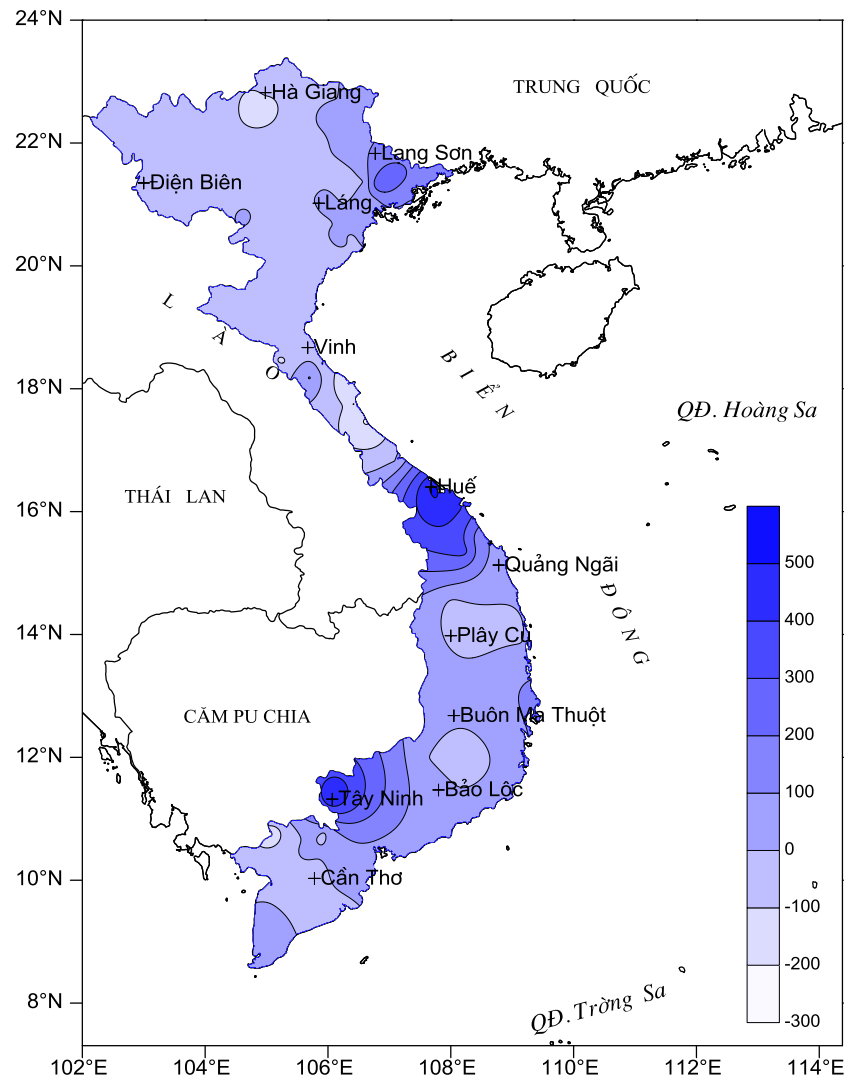
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa đặc biệt là rầy nâu, bệnh đạo ôn, sâu cuốn lá nhỏ và bệnh lem lép hạt.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

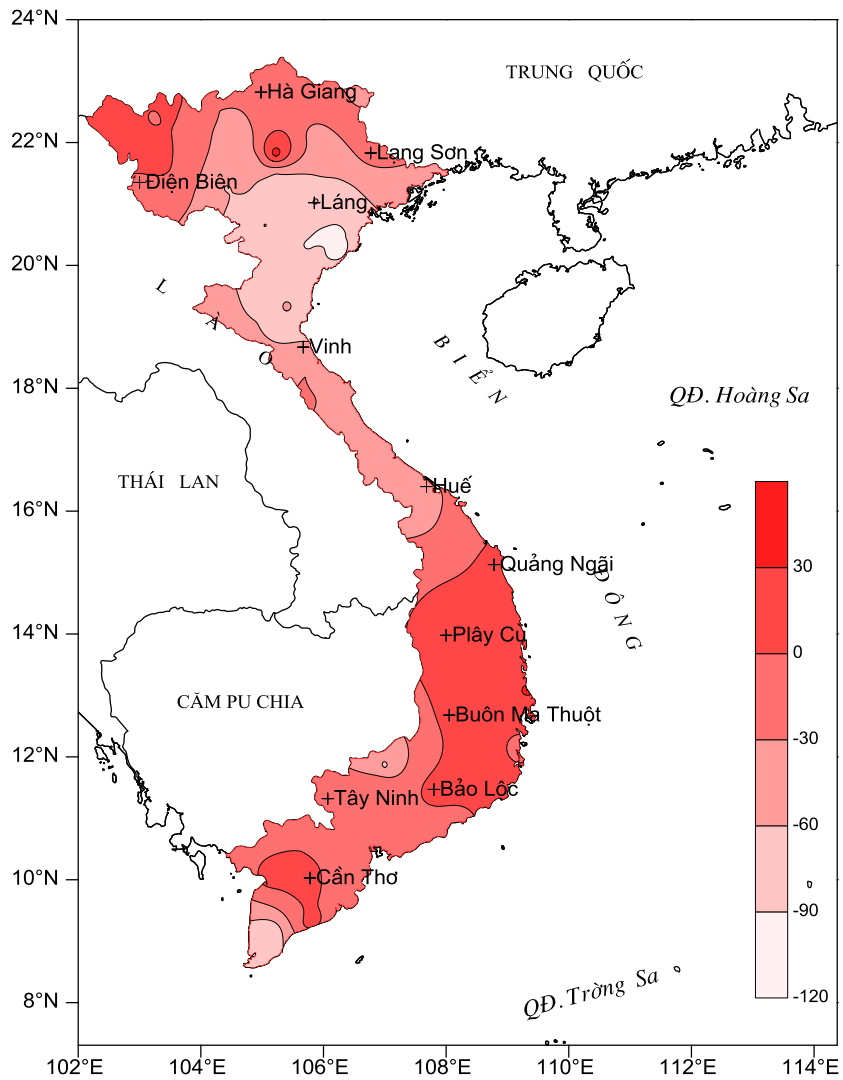
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng XII, I, II năm 2015/2016;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng XII năm 2015 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng XI năm 2015 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



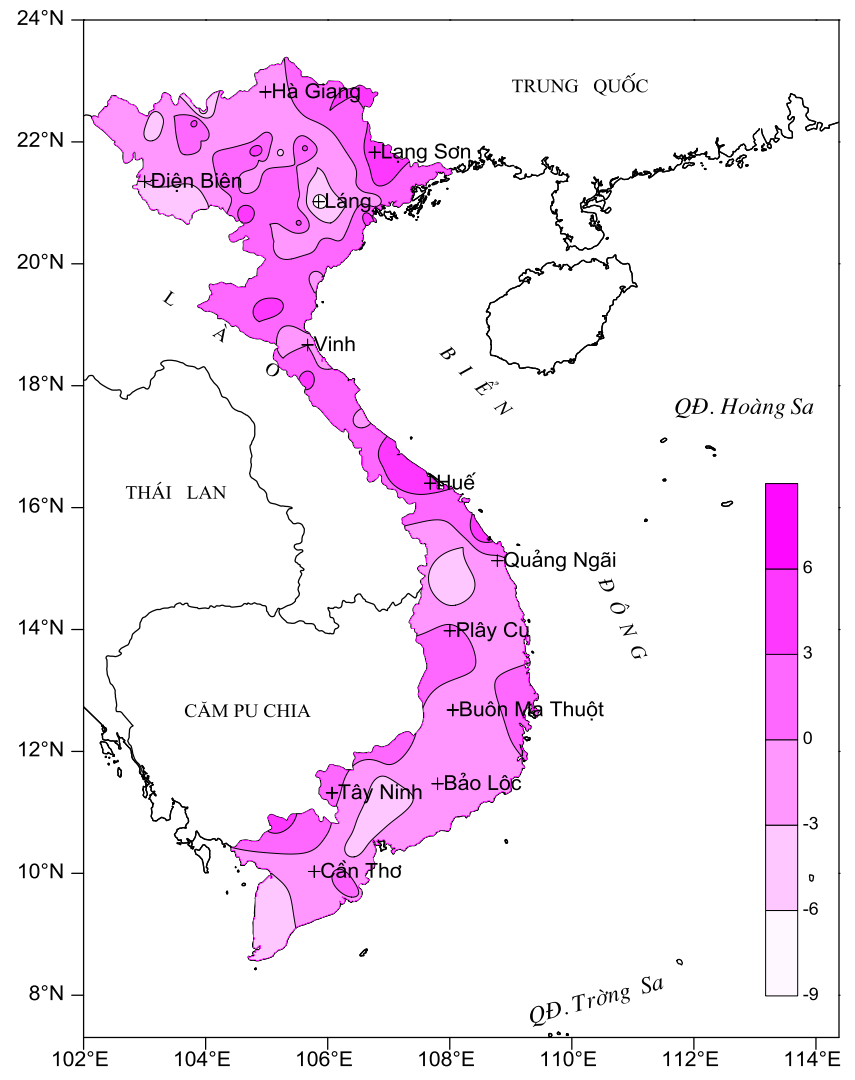
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng XI/2015 so với TBNN (°C)



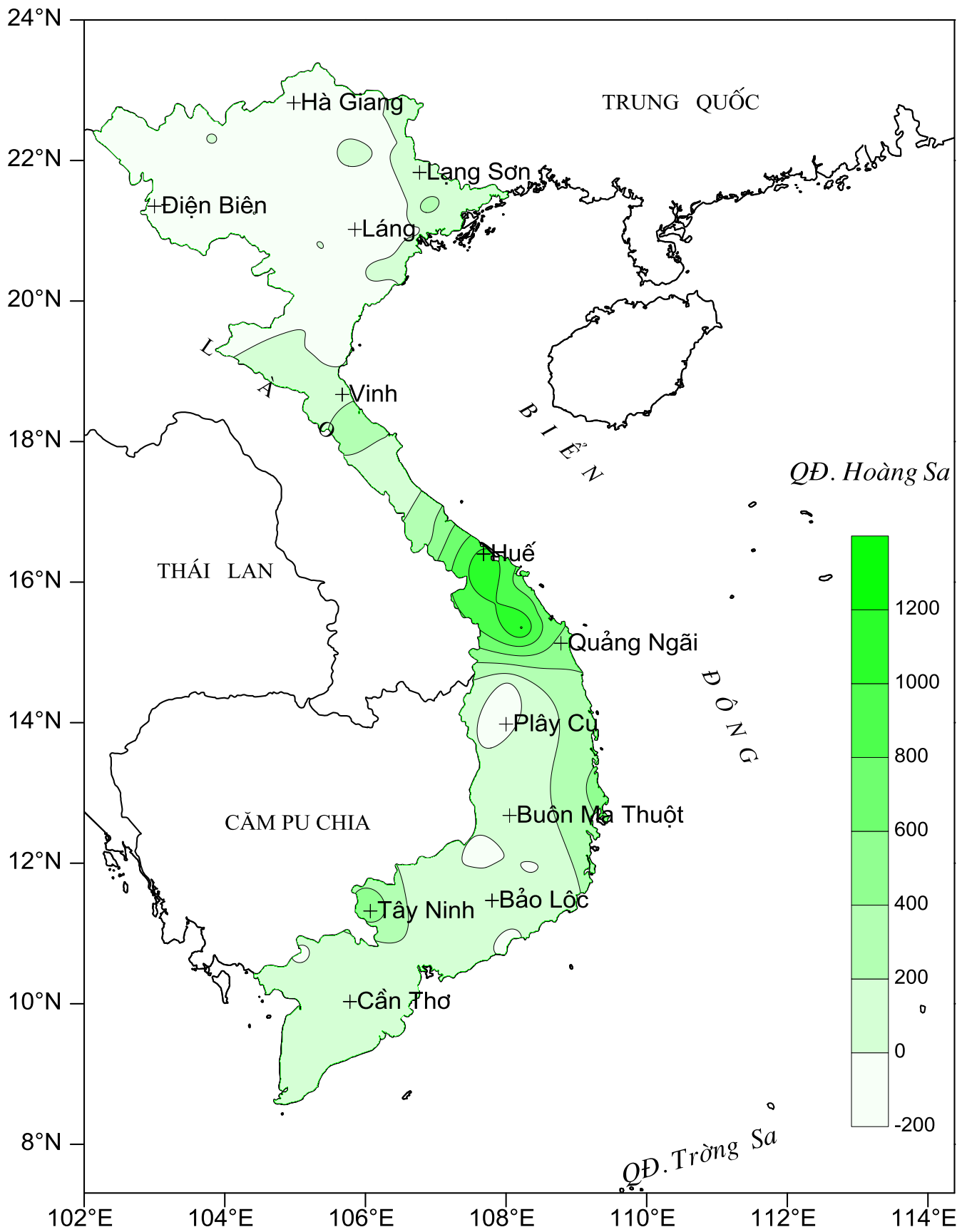
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng XI/2015 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng XI/2015 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng XI/2015 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng XI/2015 (mm)